

Bản án số: 33/2024/HS-ST

Ngày: 17 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hòa.
2. Bà Quách Thị Tình.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiên Trường - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn- Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLST-HS, ngày 01/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HS, ngày 03/4/2024 đối với bị cáo: Vũ Thị T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/3/1970, tại xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 7/10; Con ông Vũ Văn K (Đã chết) và bà Nguyễn Thị X (Đã chết); Chồng là Phạm Thanh V, có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2023 đến ngày 12/12/2023, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Bà Đỗ Thị H; sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Vũ Thị T; sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Vũ Chí T; sinh năm 1993

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng vắng mặt tại Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 06/12/2023, Vũ Thị T đi bán hàng tạp hóa tại chợ Y thuộc thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ở quầy bên cạnh có bà Đỗ Thị H (SN 1968, trú cùng thôn) đang bán thịt lợn. Quá trình bán hàng, bà H có mượn của T 01 thùng cát tông để đựng đồ cá nhân. Lúc này, T thấy bà H để tiền vào túi nilon màu vàng và cất bên trong thùng cát tông đặt dưới gầm bàn nơi bà H bán thịt lợn. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T dọn dẹp quầy hàng để về thì thấy bà H không có mặt tại quầy bán hàng nên nảy sinh ý định trộm cắp túi tiền của bà H. Thực hiện ý định trên, T đi lại quầy bán hàng của bà H và cúi người xuống dưới gầm, dùng tay phải cầm túi nilon màu vàng buộc thắt nút (T cầm vào thì xác định bên trong túi nilon có chứa tiền) của bà H từ thùng cát tông lên và bỏ vào trong túi đeo của T rồi đi về phía nhà ở của mình (nhà T đối diện chợ) để cất giấu. Tuy nhiên, do nhà khóa cửa nên T đã giấu túi tiền vào bì rác trước cửa nhà ở của gia đình. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, bà H phát hiện bị mất tiền nên đã trình báo cơ quan chức năng. Quá trình truy tìm, lực lượng Công an đã phát hiện túi tiền mà bà H bị mất ở bì đựng rác trước cửa nhà ở của gia đình T, qua kiểm tra thu giữ 280 tờ tiền Việt Nam đồng với tổng số tiền là 128.430.000 đồng. Đến 14 giờ cùng ngày, Vũ Thị T đến Công an huyện Thạch Thành đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của bản thân (BL số 01; 55-58; 70-71).

Tại bản Kết luận giám định số 4608/KL-KTHS ngày 22/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa xác định: 280 tờ tiền Việt Nam nêu ở mẫu cần giám định là tiền thật (BL số 61-62).

Quá trình điều tra, bà Đỗ Thị H khai báo bị mất tổng số tiền là 179.200.000 đồng. Còn T khai sau khi trộm cắp túi tiền của bà H, T không kiểm đếm nên không xác định bên trong túi nilon có bao nhiêu tiền, khi lấy được tiền T cất giấu tại bì rác trước cổng nhà ở của T và ngay sau đó đã bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ tổng số tiền 128.430.000 đồng. Ngoài khai báo của bà H không còn tài liệu nào khác thể hiện bà H mất số tiền 179.200.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa T và bà H nhưng không có kết quả. Vì vậy, chỉ có cơ sở xác định T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đã trộm cắp là 128.430.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Vũ Thị T đã thành khẩn khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Đỗ Thị H số tiền 179.200.000 đồng. Bà Đỗ Thị H đã nhận đầy đủ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Tiền Việt Nam đồng: 128.430.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

- 01 quyển sổ tay nhãn hiệu Notebook, bên trong ghi chữ và số tự nhiên;

- 01 chùm chìa khóa có 04 (bốn) chìa khóa bằng kim loại;

- 01 bút bi vỏ màu xanh - trắng;

- 13 tờ lịch đã cũ, rách nát;

- 06 tờ giấy trên bề mặt có ghi chữ và số tự nhiên;

- 08 tờ hóa đơn bán lẻ, trên bề mặt có ghi chữ và số tự nhiên.

Quá trình điều tra, sau khi giám định, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tiền cho chủ sở hữu. Các đồ vật còn lại không liên quan đến vụ án nên đã trả lại toàn bộ những đồ vật thu giữ cho bà Đỗ Thị H là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản.

Tại bản cáo trạng số 25/CT - VKSTT ngày 01/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa truy tố Vũ Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Vũ Thị T từ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về án phí: Vũ Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh tụng bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Bị hại không có tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên Cơ quan điều tra công an huyện Thạch Thành và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với diễn biến, thời gian, địa điểm và số tiền bị cáo đã trộm cắp cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi và lòng tham tức thời cùng với đó là sự sơ hở của bị hại nên vào khoảng 10 giờ ngày 6/12/2023 Vũ Thị Thắm đã lợi

dụng lúc chủ tài sản không có mặt tại quầy hàng lén lút trộm cắp số tiền 128.430.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) của bà Đỗ Thị H. Hành vi của bị cáo và đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi trộm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bà Đỗ Thị H, gây tâm lý hoang mang trong cộng đồng dân cư. Do đó cần lên một mức án phù hợp với bị cáo, nhằm giáo dục riêng với bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Vũ Thị T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 05 tình tiết giảm nhẹ là đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình và bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị cáo có bố là người có công với cách mạng được nhà nước trao tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo là phụ nữ, lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy HĐXX thấy cần lên cho bị cáo một mức án phù hợp phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh bị cáo có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với số tiền 128.430.000 đồng mà cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ, sau khi trưng cầu giám định, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại tiền cho chủ sở hữu. Các đồ vật còn lại là đồ cá nhân của bà Hưng, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ những đồ vật thu giữ cho bà Đỗ Thị H là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là bà Đỗ Thị H số tiền 179.200.000 đồng. Bà Đỗ Thị H đã nhận đầy đủ và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Vũ Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vũ Thị T 33 (Ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Thị T cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Vũ Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người bị hại. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Đội THAHS công an Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cúc